Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SAO Y Cơ quan:
Thời gian ký: 23.10.2026 16:36:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98 /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 163/2025/NĐ-CP, Nghị định số 16/2026/NĐ-CP, Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 của Điều 14 Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

"2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập phương án giá gửi các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu theo dấu bưu điện và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của các số liệu, dữ liệu trong phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo. Trường hợp phức tạp, tổ chức, cá nhân có quyền gửi văn bản đề nghị kéo dài thời gian lập phương án giá (kèm theo lý do và thuyết minh cụ thể) gửi các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

3. Tổ chức, cá nhân lập phương án giá có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp các Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ được giao trách nhiệm thẩm định phương án giá yêu cầu giải trình, báo cáo rõ về một số nội dung tại phương án giá và các tài liệu, hồ sơ kèm theo.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 24 Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

"1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1a, khoản 1b Điều này.".

2. Bổ sung khoản 1a, khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 24 như sau:

"1a. Sở Xây dựng rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

1b. Sở Công Thương rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 24 như sau:

"a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, lựa chọn các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá tại địa phương đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn thành phố mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành; có văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này. Việc lựa chọn tổ chức kinh doanh để đưa vào Danh sách kê khai giá căn cứ theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương. Thông tin tại Thông báo danh sách kê khai giá bao gồm tên tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, mã số thuế.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn thành phố để đưa vào Danh sách thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.".

4. Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 24.

Điều 3. Bổ sung điểm g khoản 3 Điều 32 Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

"g) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ do cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật số 16/2023/QH15.".

Điều 4. Bổ sung, thay thế một số cụm từ của điểm, khoản thuộc điều và phụ lục của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

1. Bổ sung cụm từ ", cung ứng" sau cụm từ "tổ chức, cá nhân kinh doanh" tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 13.

2. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Thay thế Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05..tháng 11..năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Công báo điện tử thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu VT, KTNS (135..b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Hà

Phụ lục III

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ; PHƯƠNG THỨC TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ; CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN CÔNG TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số.....98...../2026/QĐ-UBND)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
A	**Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước**		
I	**Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	
II	**Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng**		
1	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương do mình đầu tư	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
2	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (trong trường hợp pháp luật quy định Ủy ban nhân dân thành phố định khung giá, giá tối đa)	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của dịch vụ sự nghiệp công	
7	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu))	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
10	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	
III	**Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành**		
1	Xi măng	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng	
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương	
5	Than	Sở Công Thương	
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng	
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế	
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế	
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế	
B	**Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương**		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân các xã, phường	
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại địa phương	Phương thức tiếp nhận kê khai giá
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	
7	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	- Sở Công Thương tiếp nhận kê khai giá đối với chợ đầu mối. - UBND các xã, phường tiếp nhận kê khai giá đối với chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3.	Tiếp nhận qua môi trường mạng/Tiếp nhận bằng các hình thức khác

Phụ lục II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ ĐỐI VỚI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số... 98 ...../2026/QĐ-UBND)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
1	Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương do mình đầu tư	Sở Xây dựng	
2	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
5	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	
6	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
8	Nước sạch	Sở Xây dựng chủ trì, cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hai cấp định giá
9	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của sản phẩm, dịch vụ công	
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
11	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
12	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn	Sở Y tế	
13	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu)	Sở Y tế	
14	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của dịch vụ sự nghiệp công	
15	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
16	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
17	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
18	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	
19	Dịch vụ vận chuyển hành khách trên đường sắt địa phương	Sở Xây dựng	
20	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
21	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
22	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
23	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
24	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	
25	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Ghi chú
26	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	